

**PHỤ LỤC 2:**

**BIÊN BẢN ĐỒNG Ý MỞ NGÀNH  
CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**BIÊN BẢN HỌP**  
**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG**  
**Phiên họp Tháng 01 năm 2017**

**1. Thời gian và địa điểm**

- *Thời gian:* phiên họp bắt đầu lúc 07 giờ 30, ngày 19 tháng 01 năm 2017.
- *Địa điểm:* Phòng họp 1, Nhà Điều hành, Trường ĐHCT.

**2. Thành phần tham dự**

- *Thường trực Hội đồng KH&ĐT:* PGS. TS. Lê Việt Dũng, GS.TS. Lê Quang Trí, PGS.TS. Đỗ Văn Xê, PGS.TS. Hà Thanh Toàn, GS.TS. Nguyễn Thanh Phương, PGS.TS. Võ Thành Danh và PGS.TS. Nguyễn Chí Ngôn.
- *Đại diện Tổ thư ký Hội đồng KH&ĐT:* GVC.ThS. Nguyễn Minh Trí, PGS.TS. Lê Văn Khoa, PGS.TS. Mai Văn Nam, PGS.TS. Lý Nguyễn Bình và TS. Trịnh Quốc Lập.
- *Khoa Sau Đại học:* PGS.TS. Mai Văn Nam, CVC.ThS. Nguyễn Vĩnh An, CN. Nguyễn Hữu Giao Tiên và CN Nguyễn Đoàn An Khương.
- *Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên:* TS. Nguyễn Xuân Hoàng và TS. Kim Lavane.
- *Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông:* TS. Nguyễn Hữu Hòa, TS. Nguyễn Vị Gia Vinh và ThS. Nguyễn Đức Khoa.
- *Khoa Khoa học tự nhiên:* PGS.TS. Nguyễn Thành Tiên.
- *Viện Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học:* PGS.TS. Trần Nhân Dũng.
- *Viện Nghiên cứu phát triển ĐBSCL:* PGS.TS. Nguyễn Văn Sánh, TS. Vũ Anh Pháp và PGS.TS. Lê Cảnh Dũng.
- *Trung tâm Đảm bảo chất lượng và khảo thí:* TS. Phan Huy Hùng.
- *Phòng Quản lý Khoa học:* PGS.TS. Lê Văn Khoa và PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi.
- *Phòng Đào tạo:* GVC.ThS. Nguyễn Minh Trí, CN. Nguyễn Kỳ Tuấn Sơn, ThS. Võ Thị Ngọc Mỹ và CN. Trần Hữu Phước.

**3. Nội dung chính**

PGS.TS. Lê Việt Dũng chủ trì phiên họp xem xét các nội dung do các đơn vị đề nghị như sau:

1. Xem xét điều kiện tốt nghiệp tiến sĩ cho 3 nghiên cứu sinh là Nguyễn Thị Dấu, Võ Văn Song Toàn và Nguyễn Xuân Dũ để ra quyết định công

nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ (Quy định tại Điều 43, Điều 44 Thông tư 10/2009; Khoản 1, Điều 43 sửa đổi Thông tư 10/2009 được quy định tại Thông tư 05/2012), cụ thể:

**1.1. Nghiên cứu sinh Nguyễn Thị Đầu chuyên ngành Vi sinh vật học Khóa 2010 đợt 2**

a) *Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.*

- NCS Nguyễn Thị Đầu bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp Trường vào ngày 25/6/2016.

b) *Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của HĐ đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường trước và sau khi nhận được kết quả thẩm định chất lượng luận án.*

- NCS đã được Chủ tịch HĐ kiểm tra và xác nhận đã chỉnh sửa đầy đủ theo yêu cầu.

c) *Thẩm định chất lượng và hồ sơ luận án.*

- NCS Nguyễn Thị Đầu không nằm trong danh sách thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 6/2016.

d) *Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án (bản chỉnh sửa sau khi chỉnh sửa theo Nghị Quyết Hội đồng chấm cấp Trường), một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa).*

- NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam quyền luận án theo yêu cầu vào ngày 15/11/2016.

e) *Nghiên cứu sinh đã nộp Hồ sơ cấp bằng.*

- NCS đã nộp Hồ sơ cấp bằng cho Khoa Sau đại học vào ngày 13/12/2016.

T	Họ và Tên	Số ngày QĐ công nhận NCS	Chuyên ngành Mã số	Ngày bảo vệ	Kết quả bảo vệ
1	Nguyễn Thị Đầu	3192/QĐ-ĐHCT ngày 06/12/2010	Vi sinh vật học 62420107	25/6/2016	7/7 tán thành

**1.2. Nghiên cứu sinh Võ Văn Song Toàn chuyên ngành Visinhvật học Khóa 2010 đợt 2**

a) *Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.*

- NCS Võ Văn Song Toàn bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp Trường vào ngày 27/8/2016.

b) *Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của HĐ đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường trước và sau khi nhận được kết quả thẩm định chất lượng luận án.*

- NCS đã được Chủ tịch HĐ kiểm tra và xác nhận đã chỉnh sửa đầy đủ theo yêu cầu.

c) *Thẩm định chất lượng và hồ sơ luận án.*

- NCS Võ Văn Song Toàn không nằm trong danh sách thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 8/2016.

d) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án (bản chỉnh sửa sau khi chỉnh sửa theo Nghị Quyết Hội đồng chấm cấp Trường), một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa).

- NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam quyền luận án theo yêu cầu vào ngày 29/11/2016.

e) Nghiên cứu sinh đã nộp Hồ sơ cấp bằng.

- NCS đã nộp Hồ sơ cấp bằng cho Khoa Sau đại học vào ngày 22/12/2016.

T T	Họ và Tên	Số ngày QĐ công nhận NCS	Chuyên ngành Mã số	Ngày bảo vệ	Kết quả bảo vệ
1	Võ Văn Song Toàn	3193/QĐ-ĐHCT ngày 06/12/2010	Vi sinh vật học 62420107	27/8/2016	7/7 tán thành

### **1.3. Nghiên cứu sinh Nguyễn Xuân Dũ chuyên ngành Môi trường đất và nước Khóa 2011 dot 2**

a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

- NCS Nguyễn Xuân Dũ bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cấp Trường vào ngày 24/9/2016.

b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của HĐ đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường trước và sau khi nhận được kết quả thẩm định chất lượng luận án.

- NCS đã được Chủ tịch HĐ kiểm tra và xác nhận đã chỉnh sửa đầy đủ theo yêu cầu.

c) Thẩm định chất lượng và hồ sơ luận án.

- NCS Nguyễn Xuân Dũ không nằm trong danh sách thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 10/2016.

d) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án (bản chỉnh sửa sau khi chỉnh sửa theo Nghị Quyết Hội đồng chấm cấp Trường), một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa).

- NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam quyền luận án theo yêu cầu vào ngày 06/12/2016.

e) Nghiên cứu sinh đã nộp Hồ sơ cấp bằng.

- NCS đã nộp Hồ sơ cấp bằng cho Khoa Sau đại học vào ngày 12/12/2016.

T T	Họ và Tên	Số ngày QĐ công nhận NCS	Chuyên ngành Mã số	Ngày bảo vệ	Kết quả bảo vệ
1	Nguyễn Xuân Dũ	4403/QĐ-ĐHCT ngày 31/12/2011	Môi trường đất và nước 62440303	24/9/2016	7/7 tán thành

2. Xem xét đề nghị thay đổi học phần học bổ sung kiến thức dành cho ngành gần dự thi các ngành thạc sĩ của Khoa Khoa học tự nhiên.

3. Xem xét chương trình đào tạo ngành Vi sinh vật học trình độ thạc sĩ (mã số ngành cấp IV: 60420107) đã được điều chỉnh theo nội dung góp ý của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

4. Xem xét chương trình đào tạo ngành Kỹ Thuật môi trường trình độ thạc sĩ (mã số ngành cấp IV: 60520320) đã được điều chỉnh theo nội dung góp ý của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.
5. Xem xét chương trình đào tạo sau khi tổ chức hội thảo lấy ý kiến và danh sách các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Vật lý lý thuyết và vật lý toán trình độ tiến sĩ (mã số ngành cấp IV: 62440103).
6. Xem xét chương trình đào tạo sau khi tổ chức hội thảo lấy ý kiến và danh sách các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Quy hoạch vùng và đô thị trình độ đại học (mã số ngành cấp IV: 52580105).
7. Xem xét đề nghị mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: ngành Chính sách công (mã số ngành cấp IV: 60340402).
8. Xem xét đề nghị mở ngành đào tạo trình độ đại học: ngành Truyền thông đa phương tiện (mã số ngành cấp IV: 52320104).
9. Công tác biên soạn giáo trình và tài liệu học tập phục vụ đào tạo.
10. Thông qua nội dung Biên bản Phiên họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường mở rộng năm 2016.

#### 4. Kết luận của phiên họp

1. Thông qua các điều kiện xét tốt nghiệp và đề nghị ra Quyết định công nhận học vị và cấp bằng Tiến sĩ cho nghiên cứu sinh Nguyễn Thị Đấu, Võ Văn Song Toàn và Nguyễn Xuân Dũ.
2. Đồng ý đề nghị thay đổi học phần học bổ sung kiến thức dành cho ngành gắn dự thi các ngành thạc sĩ như sau:

TT	NGÀNH	HỌC PHẦN ĐANG THỰC HIỆN	HỌC PHẦN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI
1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	- Xác suất thống kê: TN440, 4TC. - Phương trình vi phân: TN162, 3TC.	- Giải tích 1 – Toán thống kê: TN155, 4TC. - Giải tích hàm – Toán thống kê: TN191,
2	Hóa hữu cơ	- Hóa lượng tử đại cương: TN436, 3TC. - Hóa học hợp chất thiên nhiên: TN317, 2TC. - Tổng hợp bất đối xứng: TN387, 2TC.	- Hóa hữu cơ 1: TN111, 3TC. - Hóa hữu cơ 2: TN249, 3TC.
3	Hóa lý thuyết và hóa lý	- Hóa lượng tử đại cương: TN436, 3TC. - Hóa học hợp chất thiên nhiên: TN317, 2TC. - Các phương pháp phổ nghiệm hữu cơ: TN361, 2TC.	- Hóa phân tích 1: TN115, 3TC. - Hóa phân tích 2: TN117, 3TC.
4	Sinh thái học	- Xác suất thống kê: TN010, 3TC. - Thử nghiệm sinh học: TN384, 2TC.	- Sinh lý thực vật B: NN129, 2TC. - Sinh lý động vật: SP414, 2TC.

		- Thực tập thử nghiệm sinh học: TN435, 1TC.	- Sinh học phát triển: TN151, 2TC.
5	Toán Giải tích	- Lý thuyết độ đo và tích phân: TN164, 3TC. - Quá trình ngẫu nhiên: TN442, 3TC.	- Lý thuyết độ đo và tích phân: TN164, 3TC. - Xác suất thống kê: TN010, 3TC.

Điều chỉnh học phần học bổ sung kiến thức dành cho ngành gắn dự thi các ngành đào tạo thạc sĩ như trên được áp dụng từ thông báo tuyển sinh đợt tháng 8 năm 2017.

3. Đồng ý chương trình đào tạo ngành Vi sinh vật học trình độ thạc sĩ (mã số ngành cấp IV: 60420107) đã được điều chỉnh theo nội dung góp ý của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Đề nghị quan tâm thực hiện kết nối doanh nghiệp với đào tạo, giải quyết những vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp.
4. Đồng ý chương trình đào tạo ngành Kỹ Thuật môi trường trình độ thạc sĩ (mã số ngành cấp IV: 60520320) đã được điều chỉnh theo nội dung góp ý của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Đề nghị quan tâm thực hiện kết nối doanh nghiệp với đào tạo, giải quyết những vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp.
5. Đồng ý thông qua chương trình đào tạo ngành Vật lý lý thuyết và vật lý toán trình độ tiến sĩ (mã số ngành cấp IV: 62440103) sau khi tổ chức hội thảo lấy ý kiến và danh sách thành viên tham gia Hội đồng thẩm định CTĐT Vật lý lý thuyết và vật lý toán trình độ tiến sĩ gồm các ông/bà như sau:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chuyên môn, năm tốt nghiệp tiến sĩ, nước tốt nghiệp	Chức danh trong hội đồng
1	PGS.TS. Nguyễn Thành Tiên	Trường Đại học Cần Thơ	Vật lý lý thuyết, 2012, Việt Nam	Chủ tịch
2	PGS.TS. Nguyễn Nhật Khanh	Trường Đại học KHTN TPHCM	Vật lý lý thuyết, 1979, Tiệp Khắc	Phản biện 1
3	GS.TS. Bạch Thành Công	Đại học Quốc gia Hà Nội	Vật lý lý thuyết, 1987, Việt Nam	Phản biện 2
4	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ	Vật lý, 2001, Việt Nam	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Hữu Nhã	Trường Đại học KHTN TPHCM	Vật lý lý thuyết, 2010, Pháp	Thư ký

Đề nghị Khoa Khoa học tự nhiên và Khoa Sau đại học hoàn thành các hồ sơ và văn bản quyết định trình Hiệu trưởng phê duyệt; triển khai việc tổ chức thẩm định CTĐT ngành Vật lý lý thuyết và vật lý toán trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Đồng ý thông qua chương trình đào tạo ngành Quy hoạch vùng và đô thị trình độ đại học (mã số ngành cấp IV: 52580105) sau khi tổ chức hội thảo lấy ý kiến và danh sách các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định chương trình

đào tạo ngành Quy hoạch vùng và đô thị trình độ đại học (mã số ngành cấp IV: 52580105) gồm các ông/bà như sau:

TT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Chuyên ngành	Trách nhiệm trong Hội đồng
1	GS.TS. Lê Quang Trí	Trường Đại học Cần Thơ	Quy hoạch	Chủ tịch
2	TS.KTS. Đỗ Phú Hưng	Đại học Kiến trúc TP. HCM	Kiến trúc	Phản biện 1
3	TS.KTS. Lê Thị Hồng Na	Đại học Bách khoa TP. HCM	Kiến trúc	Phản biện 2
4	ThS. Nguyễn Quốc Duy	Sở Xây dựng Vĩnh Long	Quản lý đô thị	Ủy viên
5	TS. Hồ Chí Linh	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Xây dựng	Thư ký

Đề nghị Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên và Phòng Đào tạo hoàn thành các hồ sơ và văn bản quyết định trình Hiệu trưởng phê duyệt; triển khai việc tổ chức thẩm định CTĐT ngành Quy hoạch vùng và đô thị trình độ đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Đồng ý về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính sách công (mã số ngành cấp IV: 60340402). Đề nghị Viện Nghiên cứu và phát triển ĐBSCL, Khoa Sau Đại học và các đơn vị có liên quan triển khai việc tổ chức biên soạn đề án mở ngành đào tạo đúng theo các quy định hiện hành.
8. Đồng ý về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện (mã số ngành cấp IV: 52320104). Đề nghị Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa Luật và các đơn vị có liên quan triển khai việc tổ chức biên soạn đề án mở ngành đào tạo đúng theo các quy định hiện hành.
9. Công tác biên soạn giáo trình và tài liệu học tập phục vụ đào tạo

Quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, xuất bản, phát hành, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu học tập (TLHT) của Trường Đại học Cần Thơ ban hành theo Quyết định số 3054/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng là chặt chẽ, tuy nhiên cần chú ý thêm những nội dung sau đây để nâng cao chất lượng giáo trình:

- Hội đồng Thẩm định giáo trình: từ đề xuất danh sách các thành viên hội đồng thẩm định theo đề nghị của các đơn vị quản lý đào tạo, Phòng Đào tạo tham khảo ý kiến của cán bộ dự kiến là Chủ tịch Hội đồng thẩm định giáo trình, tài liệu học tập về danh sách cán bộ được đề cử là thành viên phản biện trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt Quyết định thành lập hội đồng.

- Tổ chức thực hiện việc thẩm định giáo trình, tài liệu học tập theo đúng Quy định. Phòng Đào tạo hướng dẫn và tư vấn cho từng Hội đồng thẩm định về quy trình và hồ sơ thẩm định.

- Hệ thống phần mềm quản lý trực tuyến của Trường cần có thêm công cụ thống kê danh sách giáo trình, tài liệu học tập đã được xuất bản để các đơn vị đào tạo có thể tra cứu trước khi đề nghị biên soạn giáo trình mới.

- Đề nghị Nhà Xuất bản Đại học Cần Thơ xin được cấp phép xuất bản phẩm điện tử để tạo điều kiện cho sinh viên mua giáo trình, tài liệu học tập được số hóa với chi phí thấp hơn bản in hiện nay.

- Đề nghị các đơn vị quản lý đào tạo quan tâm việc lựa chọn đề xuất nhà trường (thông qua Trung tâm Học liệu) mua bổ sung phục vụ công tác đào tạo các giáo trình, tài liệu học tập của những tác giả và nhà xuất bản có uy tín trong và ngoài nước có chất lượng và nội dung phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo.

10. Tổ Thư ký Hội đồng KH&ĐT Trường điều chỉnh nội dung dự thảo Biên bản Phiên họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường mở rộng năm 2016 theo ý kiến của Thường trực HĐKH&ĐT Trường. Các nội dung kết luận của Biên bản là căn cứ cho các đơn vị của Trường triển khai các hoạt động có liên quan và sẽ được các đơn vị tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện tại phiên họp Hội đồng KH&ĐT Trường mở rộng năm 2017.

Buổi họp kết thúc lúc: 11 giờ 00 cùng ngày./.

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**



**Lê Việt Dũng**

**TỔ THƯ KÝ HĐ KH&ĐT TRƯỜNG  
TỔ TRƯỞNG**

**Nguyễn Minh Trí**

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐKH&ĐT;
- Tổ Thư ký HĐKH&ĐT;
- Khoa: SĐH, MT&TNTN, CNTT&TT, KHTN;
- Viện NC&PTCNSH, NCPTĐBSCL;
- Phòng: QLKH, ĐT;
- Trung tâm: ĐBCL&KT, HL;
- Nhà xuất bản Trường ĐHCT;
- Email: gửi các đơn vị có liên quan và CCVC tham gia họp;
- Lưu: VT, P.KHTH.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Cần Thơ, ngày 19 tháng 06 năm 2019*

**XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**I. Về giảng viên**

**Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo Chính sách Công**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSDT)	Thành tích khoa học (số đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Bình 1977 Phó Bộ môn		Tiến sĩ, Đức, 2015	Nông học	2017, ĐHCT	2 đề tài, 7 bài báo	Tham gia - Phân tích định chế và tổ chức - Đánh giá tổn thương và nâng cao sinh kế - Quản lý dự án	
2	Nguyễn Duy Cán 1962 Trưởng Khoa	PGs., 2009	Tiến sĩ, Nhật, 1999	Nông Nghiệp	2000, ĐHCT	5 đề tài, 9 bài báo	- Phát triển cộng đồng và Phúc lợi xã hội	
3	Võ Thành Danh 1964	PGs., 2009	Tiến sĩ, Philippines 2004	Kinh tế Nông nghiệp	2005, ĐHCT	7 đề tài, 23 bài báo	- Phân tích kinh tế trong chính sách công - Lượng giá tài nguyên môi trường	Nguyên Trưởng Khoa
4	Trần Văn Hiếu 1963 Phó Trưởng khoa		Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Kinh tế chính trị	2010, ĐHCT	5 đề tài, 7 bài báo	- Kinh tế chính trị học quốc tế	
5	Phan Huy Hùng 1967 Giám đốc Trung tâm		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý hành chính công	2012, ĐHCT	4 đề tài, 12 bài báo	- Hành chính và quản trị công	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần	Ghi chú
6	Phạm Công Hữu 1970		Tiến sĩ, Đức, 2012	Quy hoạch và Quản lý Tài nguyên	2018, ĐHCT	3 bài báo, 1 sách	- Quản lý nguồn nhân lực	
7	Lê Nguyễn Doan Khôi 1974 Phó Phòng	PGs., 2015	Tiến sĩ, Hà Lan, 2011	Quản trị Kinh doanh	2011, ĐHCT	16 đề tài, 12 bài báo	- Chính sách thương mại và kiểm soát chất lượng	
8	Cao Nhất Linh 1976 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Pháp, 2011	Luật tư	20102, ĐHCT	11 bài báo	- Luật và chính sách công	
9	Đặng Kiều Nhân 1969 Viện trưởng		Tiến sĩ, Hà Lan, 2007	Hệ thống nuôi trồng thủy sản	2008, ĐHCT	8 đề tài, 12 bài báo	- Quản trị và phát triển bền vững - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chính sách tài nguyên và môi trường ứng phó BĐKH	
10	Lê Khương Ninh 1965 Trưởng khoa	PGs., 2009	Tiến sĩ, Hà Lan, 2003	Kinh tế Tài chính	2005, ĐHCT	7 đề tài, 44 bài báo	- Tài chính phát triển	
11	Vũ Anh Pháp 1965 Phó Viện trưởng		Tiến sĩ, Đức, 2006	Nông nghiệp	2008, ĐHCT	5 đề tài, 6 bài báo	- Quản trị và phát triển bền vững	
12	Lưu Tiên Thuận 1973 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Đài Loan, 2012	Kinh tế Kinh doanh	2012, ĐHCT	5 đề tài, 6 bài báo	- Chính sách thương mại và kiểm soát chất lượng	
13	Nguyễn Hồng Tín 1975 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Úc, 2011	Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên	2013, ĐHCT	12 đề tài, 6 bài báo	- Quản lý nguồn nhân lực	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần	Ghi chú
14	Huỳnh Quang Tín 1961 Trưởng Bộ môn	PGs., 2017	Tiến sĩ, Hà Lan, 2009	Sinh thái sản xuất và Bảo tồn Tài nguyên	2007 ĐHCT	5 đề tài, 9 bài báo, 4 sách	Tham gia - Phát triển cộng đồng và Phúc lợi xã hội	
15	Lê Ngọc Triết 1964 Phó Trưởng khoa		Tiến sĩ, Việt Nam 2002	Triết học	2010 ĐHCT	6 bài báo	- Triết học	
16	Phan Anh Tú 1978 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Hà Lan, 2012	Kinh doanh Quốc tế	2015, ĐHCT	10 đề tài, 30 bài báo	- Thương mại quốc tế	
17	Lê Anh Tuấn 1960 Phó Viện trưởng	PGs., 2012	Tiến sĩ, Bi, 2003	Thủy học Môi trường	2007, ĐHCT	15 đề tài, 35 bài báo	- Chính sách tài nguyên và môi trường ứng phó BĐKH	
18	Võ Văn Tuấn 1974 Phó Bộ môn		Tiến sĩ, Đức, 2014	Địa lý Kinh tế Xã hội	2016 ĐHCT	9 đề tài, 15 bài báo	- Đánh giá tổn thương và nâng cao sinh kế - Phân tích định chế và tổ chức - Thực hành - Dân số, giới và công bằng xã hội - Dân số, giới và công bằng xã hội	
19	Nguyễn Quang Tuyến 1956		Tiến sĩ, Thái Lan, 2011	Khoa học Xã hội	2012 ĐHCT	4 đề tài, 6 bài báo, 1 sách chuyên khảo		

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành, giảng viên giảng dạy lý thuyết phân kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành của ngành Chính sách Công

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSDT)	Thành tích khoa học (số đề tài, các bài báo)	Ghi chú
<b>I. Giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành</b>							
1	Nguyễn Văn Sánh 1957	PGs., 2011	Tiến sĩ, Hoa Kỳ, 2003	Chính sách công/Nông nghiệp-nông thôn	2005, ĐHCT	9 đề tài, 37 bài báo	Nguyên Viện trưởng
2	Mai Văn Nam 1964 Trưởng khoa	PGs., 2009	Tiến sĩ, Philippines, 2003	Kinh tế Nông nghiệp, chuyên ngành: Chính sách và phát triển kinh tế	2005, ĐHCT	19 đề tài, 39 bài báo	
3	Dương Ngọc Thành 1956	PGs., 2009	Tiến sĩ, Philippines, 2002	Kinh tế nông nghiệp & Phát triển nông thôn	2005, ĐHCT	36 đề tài, 78 bài báo	Nguyên Trưởng Bộ môn
4	Phan Văn Phúc 1980 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Úc, 2016	Kinh tế (chuyên nghiên cứu kinh tế chính trị, chính sách công)	2018, ĐHCT	1 đề tài, 5 bài báo	
5	Lê Cảnh Dũng 1964 Trưởng Bộ môn	PGs., 2017	Tiến sĩ, Thái Lan, 2009	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	2009, ĐHCT	10 đề tài, 16 bài báo	

**II. Giảng viên giảng dạy lý thuyết phần kiến thức cơ sở ngành**

1	Nguyễn Thanh Bình 1977 Phó Bộ môn		Tiến sĩ, Đức, 2015	Nông học	2017, ĐHCT	2 đề tài, 7 bài báo	Giảng dạy cơ sở ngành và chuyên ngành
2	Võ Thành Danh 1964	PGs., 2009	Tiến sĩ, Philippines 2004	Kinh tế Nông nghiệp	2005, ĐHCT	7 đề tài, 23 bài báo	
3	Lê Cảnh Dũng 1964 Trưởng Bộ môn	PGs., 2017	Tiến sĩ, Thái Lan, 2009	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	2009, ĐHCT	10 đề tài, 16 bài báo	Giảng dạy cơ sở ngành và chuyên ngành
4	Trần Văn Hiếu 1963 Phó Trưởng khoa		Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Kinh tế chính trị	2010, ĐHCT	5 đề tài, 7 bài báo	
5	Phan Huy Hùng 1967 Giám đốc Trung tâm		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý hành chính công	2012, ĐHCT	4 đề tài, 12 bài báo	
6	Cao Nhất Linh 1976 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Pháp, 2011	Luật tư	20102, ĐHCT	11 bài báo	
7	Đặng Kiều Nhân 1969 Viện trưởng		Tiến sĩ, Hà Lan, 2007	Hệ thống nuôi trồng thủy sản	2008, ĐHCT	8 đề tài, 12 bài báo	Giảng dạy cơ sở ngành và chuyên ngành
8	Phan Văn Phúc 1980 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Úc, 2016	Kinh tế (chuyên nghiên cứu kinh tế chính trị, CSC,...)	2018, ĐHCT	1 đề tài, 5 bài báo	
9	Nguyễn Văn Sánh 1957	PGs., 2011	Tiến sĩ, Hoa Kỳ, 2003	Chính sách công/Nông nghiệp- nông thôn	2005, ĐHCT	9 đề tài, 37 bài báo	Giảng dạy cơ sở ngành và chuyên ngành
10	Võ Văn Tuấn 1974 Phó Bộ môn		Tiến sĩ, Đức, 2014	Địa lý Kinh tế Xã hội	2016, ĐHCT	9 đề tài, 15 bài báo	Giảng dạy cơ sở ngành và chuyên ngành

III. Giảng viên giảng dạy lý thuyết phân tích thực chuyên ngành							
	Nguyễn Duy Căn 1962 Trưởng Khoa	PGs., 2009	Tiến sĩ, Nhật, 1999	Nông Nghiệp	2000, ĐHCT	5 đề tài, 9 bài báo	
2	Võ Thành Danh 1964	PGs., 2009	Tiến sĩ, Philippines 2004	Kinh tế Nông nghiệp	2005, ĐHCT	7 đề tài, 23 bài báo	Nguyên Trưởng Khoa Kinh tế
3	Phạm Công Hữu 1970		Tiến sĩ, Đức, 2012	Qui hoạch và Quản lý Tài nguyên	2018, ĐHCT	3 bài báo, 1 sách	
4	Lê Nguyễn Doan Khôi 1974 Phó Phòng	PGs., 2015	Tiến sĩ, Hà Lan, 2011	Quản trị Kinh doanh	2011, ĐHCT	16 đề tài, 12 bài báo	
5	Mai Văn Nam 1964 Trưởng khoa	PGs., 2009	Tiến sĩ, Philippines, 2003	Kinh tế Nông nghiệp, chuyên ngành: Chính sách và phát triển kinh tế	2005, ĐHCT	19 đề tài, 39 bài báo	
6	Lê Khương Ninh 1965 Trưởng khoa	PGs., 2009	Tiến sĩ, Hà Lan, 2003	Kinh tế Tài chính	2005, ĐHCT	7 đề tài, 44 bài báo	
7	Vũ Anh Pháp 1965 Phó Viện trưởng		Tiến sĩ, Đức, 2006	Nông nghiệp	2008, ĐHCT	5 đề tài, 6 bài báo	
8	Dương Ngọc Thành 1956	PGs., 2009	Tiến sĩ, Philippines, 2002	Kinh tế nông nghiệp & Phát triển nông thôn	2005, ĐHCT	36 đề tài, 78 bài báo	Nguyên Trưởng Bộ môn
9	Lưu Tiên Thuận 1973 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Đài Loan, 2012	Kinh tế Kinh doanh	2012, ĐHCT	5 đề tài, 6 bài báo	

III. Giảng viên giảng dạy lý thuyết phần kiến thức chuyên ngành (tiếp theo)						
10	Nguyễn Hồng Tín 1975 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Úc, 2011	Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên	2013, ĐHCT	12 đề tài, 6 bài báo
11	Huỳnh Quang Tín 1961 Trưởng Bộ môn	PGs., 2017	Tiến sĩ, Hà Lan, 2009	Sinh thái sản xuất và Bảo tồn Tài nguyên	2007 ĐHCT	5 đề tài, 9 bài báo, 4 sách
12	Phan Anh Tú 1978 Trưởng Bộ môn		Tiến sĩ, Hà Lan, 2012	Kinh doanh Quốc tế	2015, ĐHCT	10 đề tài, 30 bài báo
13	Lê Anh Tuấn 1960 Phó Viện trưởng	PGs., 2012	Tiến sĩ, Bi, 2003	Thủy học Môi trường	2007, ĐHCT	15 đề tài, 35 bài báo

<sup>1</sup> GVC (Giảng viên chính); <sup>2</sup> PGs. (Phó Giáo sư); <sup>3</sup> ĐHCT (Đại học Cần Thơ)

Mẫu 3: Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo ngành Chính sách Công

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số đề tài/dự án, bài báo)	Ghi chú
1	Trần Tiên Khai 1963 Giám đốc	PGs., 2016	Tiến sĩ, Bi, 2003	Kinh tế nông nghiệp và PTNT	2006, Đại học Kinh tế TP HCM	6 đề tài, 6 bài báo	

**Mẫu 4: Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Vũ Anh Pháp 1965 Phó Viện trưởng	Tiến sĩ, 2006	Nông nghiệp	Quản lý đào tạo Viện
2	Nguyễn Văn Sánh 1957	Tiến sĩ, 2003	Chính sách Công/Nông nghiệp-nông thôn	Phụ trách chuyên môn ngành đào tạo
3	Lê Cảnh Dũng 1964 Trưởng Bộ môn	Tiến sĩ, 2009	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	Quản lý Bộ môn
4	Võ Văn Tuấn 1974 Phó Bộ môn	Tiến sĩ, 2014	Địa lý Kinh tế - Xã hội	Quản lý chuyên ngành đào tạo

**Mẫu 5: Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Hứa Hồng Hiếu, 1977	Tiến sĩ, 2019	Xã hội học - Môi trường và Quản lý Tài nguyên	Hướng dẫn thực hành chính sách - xã hội, tài nguyên môi trường
2	Nguyễn Thị Thanh Hiền 1982 Quản lý thư viện	Kỹ sư, 2008	Công nghệ thông tin	Hướng dẫn truy cập dữ liệu, thông tin

**TRƯỞNG PHÒNG TCCB**

TL.HIỆU TRƯỞNG (Ký lên xác nhận)

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC - CÁN BỘ



Nguyễn Văn Trí

**TRƯỞNG KHOA/VIỆN**

*Đặng Kiều Nhân*

Đặng Kiều Nhân

*Ghi chú:* Xác nhận đối ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo (danh sách và ngành, chuyên ngành đào tạo) kèm theo bảng lương (đối với giảng viên ngoài độ tuổi lao động) của cơ sở đào tạo trong 06 tháng liên tục (tính đến thời điểm xác nhận), sổ bảo hiểm (đối với giảng viên trong độ tuổi lao động), quyết định tuyển dụng, hợp đồng tuyển dụng; đối chiếu tên ngành/chuyên ngành trên văn bằng với tên ngành/chuyên ngành của giảng viên cơ hữu ghi trong danh sách. Đối với những giảng viên cơ hữu làm việc theo chế độ hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc thì hợp đồng phải ghi rõ làm việc toàn thời gian cho cơ sở đào tạo.



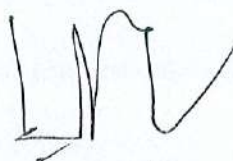
2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Trang thiết bị phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

TT	Tên gọi của máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần	Ghi chú
1	Projector Sony VLP-PX15	Nhật, 2003	1	Tất cả học phần	
2	Projector Sanyo PLC - XU50, PLC	Nhật, 2003	2	Tất cả học phần	
3	Projector ELMOX300E	Nhật, 2005	2	Tất cả học phần	
4	Projector Sony CX86	Nhật, 2005	2	Tất cả học phần	
5	Projector Panasonic PT-LB30NTEA	Nhật, 2005	1	Tất cả học phần	
6	Máy vi tính xách tay Asus Intel Core 2 Dual	ASEAN, 2012	5	Tất cả học phần	
7	Máy vi tính xách tay Asus Intel Core 2 Dual	ASEAN, 2007		Tất cả học phần	
8	Máy vi tính để bàn Intel Core I3 3.06 GHZ	ASEAN, 2010	3	Tất cả học phần	
9	Máy vi tính để bàn Intel Core I5	ASEAN, 2012	10	Tất cả học phần	
10	Toshiba M55-S325 CPU centrinosonoma	ASEAN, 2005	1	Tất cả học phần	
11	Máy in HP Laserjet 1300	Nhật, 2005	2	Tất cả học phần	
12	Máy in HPLaserjet 1200	Nhật, 2008	2	Tất cả học phần	
13	Máy in HP Laserjet 2400	Nhật, 2014	1	Tất cả học phần	
14	Máy in HP Laserjet 3200	Nhật, 2015	4	Tất cả học phần	
15	Máy in EPSON LQ 300	Nhật, 2018	1	Tất cả học phần	

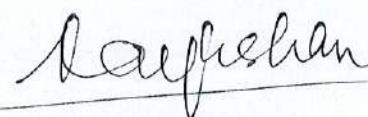
TRƯỞNG PHÒNG QTTB

(Ký tên xác nhận)



Lê Phi Hùng

TRƯỞNG KHOA/VIỆN



Đặng Kiều Nhân

*Ghi chú:* Xác nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị thực tế của cơ sở đào tạo: phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, thư viện, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa, các công trình y tế, dịch vụ phục vụ cán bộ, giảng viên, sinh viên; danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo ngành đăng ký đào tạo kèm theo các minh chứng xây dựng, thuê, mua, được tặng, được cấp, chuyên nhượng (đối chiếu với sổ tài sản, hóa đơn, chứng từ bản gốc). Đối với các máy móc, thiết bị được tặng từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài thì phải có giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền cho phép tiếp nhận và nhập khẩu.

Mẫu 7: Thư viện

Số TT	Tên sách, tên tạp chí	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Ghi chú
1	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. NXB Chính trị Quốc gia	Việt Nam 2017	5	ML606	2015: 1q 2014: 3q
2	Knoepfel, Peter, et al. Public Policy Analysis, Policy Press, 2007. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=419269">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=419269</a> .	Hoa Kỳ 2007	1	PDC601	Nguồn: Ebrary Ebook
3	Chính sách công và phát triển bền vững: Cán cân thanh toán, nợ công và đầu tư công / Nguyễn Hồng Sơn (biên soạn)... [et al.] - Đầu trang tên sách ghi: Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường Đại học Kinh tế.- 354.8/ Ch312	Việt Nam 2012	8	PDC602	
4	Những chủ đề Kinh tế học hiện đại. NXB Tổng hợp Đồng Nai	Việt Nam 2011	3	PDC602	
5	Kinh tế vĩ mô phân tích. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.	Việt Nam 2011	5	PDC602	
6	Phân tích và thiết kế chính sách cho phát triển. NXB Dân trí.	Việt Nam 2011	10	PDP624	
7	Phương pháp nghiên cứu kinh tế (Kiến thức cơ bản) / Trần Tiến Khai.- 330/ Kh103.NXB Lao động Xã hội	Việt Nam 2014	2	PDP624	
8	Van, Dooren, Wouter, et al. Performance Management in the Public Sector, Taylor & Francis Group, 2010. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=537865">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=537865</a> .	Hoa Kỳ 2010	1	PDC603	Nguồn: Ebrary Ebook
9	Quản lý công. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Việt Nam 2016	15	PDC603	
10	Cơ sở lý luận và thực tiễn về hành chính nhà nước: Sách chuyên khảo / Nguyễn Hữu Hải chủ biên, 9786045704004.- 351.597/ H103	Việt Nam 2014	5	PDC603	
11	Giáo trình quản lý phát triển địa phương / Đàm Văn Nhuệ, Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Cúc (Đồng chủ biên), 9786045711392.- 338.9597/ Nh507	Việt Nam 2015	5	PDC603	
12	Cải cách hành chính nhà nước : Lý luận và thực tiễn (Sách chuyên khảo) / Nguyễn Hữu Hải (Chủ biên), 9786045726501.- 351.597/ H103	Việt Nam 2016	6	PDC603	
13	Tìm hiểu hành chính công Hoa Kỳ: Lý thuyết và thực tiễn / Nguyễn Hữu Hải (chủ biên).- 351.73/ H103	Việt Nam 2013	3	PDC603	
14	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật / Hoàng Thị Kim Quế (Tủ sách khoa học), 9786046242505.- 342.597/ Qu250	Việt Nam 2015	3	PDC604	
15	Giáo trình luật tổ tụng dân sự Việt Nam / Nguyễn Công Bình (chủ biên).- 9786047206605.- 347.59705/ B312	Việt Nam 2015	10	PDC604	

16	Giáo trình luật hợp đồng thương mại Quốc tế / Nguyễn Văn Luyện, Lê Thị Bích Thọ, Dương Anh Sơn.- 341.753/ L527	Việt Nam 2007	5	PDC604	
17	<i>Institutions and Environmental Change : Principal Findings, Applications, and Research Frontiers</i> , edited by Oran R. Young, et al., MIT Press, 2008. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=3338948">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=3338948</a> .	Hoa Kỳ 2008	1	PDP613	Nguồn: Ebrary Ebook
18	Tại sao các quốc gia thất bại: Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng và nghèo đói = Why nations fail: the origins of power, prosperity and poverty / Daron Acemoglu, James A. Robinson; Nguyễn Thị Kim Chi, Hoàng Thạch Quân, Hoàng Ngọc Lan (Biên dịch) ; Vũ Thành Tự Anh (Hiệu đính), 9786041017276.- 330/ A173	Việt Nam 2016	2	PDC601 PDC605 PDP631	
19	Giáo trình hoạch định và phân tích chính sách công (Đào tạo đại học hành chính) / Nguyễn Hữu Hải, Phạm Thu Lan - Đầu trang bìa ghi: Học viên hành chính (Tài liệu photocopy).- 352.209597/ H103	2010	1	PDC606	
20	<i>Handbook of Public Policy Analysis : Theory, Politics, and Methods</i> , edited by Frank Fischer, and Gerald J. Miller, Routledge, 2006. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=283245">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=283245</a> .	Hoa Kỳ 2006	1	PDC606	Nguồn: Ebrary Ebook
21	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (dùng với SPSS các phiên bản 11.5, 13, 14, 15, 16)- Tập 1 / Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc - Tài liệu photocopy.- 519.7/ Tr431/T.1-T2	Việt Nam 2008	4	PDC607	
22	Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội / Hoàng Trọng , Chu Nguyễn Mộng Ngọc.- Hà Nội: Lao động - Xã hội, 2011.- 520 tr.; 24 cm.- 330.0212/ Tr431	Việt Nam 2011	1	PDC607	
23	Giáo trình kinh tế lượng: Dành cho sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học khối kinh tế / Bùi Duy Phú, 9786040065261.- 330.015195/ Ph500	Việt Nam 2014	1	PDC607	
24	Kinh tế lượng ứng dụng / Nguyễn Thống.- 330.015195/ Th455	Việt Nam 2000	6	PDC607	
25	Balusek, Ken. <i>Offender Reentry and Cognitive Intervention: Propensity Score Matching Utility for Outcome Assessment</i> , LFB Scholarly Publishing LLC, 2014. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=1756074">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=1756074</a> .	Hoa Kỳ 2014	5	PDC607	Nguồn: Ebrary Ebook
26	<i>Cost-Benefit Analysis: Concepts and Practice</i> . 3rd Edition. Pearson International Edition.	Hoa Kỳ 2014	6	PDP627	Nguồn: Ebrary

27	Khandker, Shahidur, et al. Handbook on Impact Evaluation: Quantitative Methods and Practices, World Bank Publications, 2009. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=476187">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=476187</a> .	Hoa Kỳ 2009	1	PDP627	Ebook
28	Economic and Financial Analysis of rural investment projects: Basic concepts and rationale. IFAD <a href="http://www.fao.org/3/a-i6366e.pdf">http://www.fao.org/3/a-i6366e.pdf</a>	Ý 2015		PDP627	PDF Miễn phí
29	Phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn vùng ĐBSCL. NXB Đại học Cần Thơ.	Việt Nam 2016	12	PDC608	
30	A Pocket Guide to Sustainable Development Governance. Stakeholder Forum Commonwealth Secretariat <a href="https://pdfs.semanticscholar.org/e500/228d43cad004afa3d">https://pdfs.semanticscholar.org/e500/228d43cad004afa3d</a>	Anh 2011		PDC608	PDF Miễn phí
31	Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu / Trần Thực, Neefjes Koos (Chủ biên), 9786049046230 .- 577.22/ Th556	Việt Nam 2015	3	PDC610	
32	Environmental economics: An integrated approach / Philip E. Graves, 9781466518018.- 337.7/ G776	United Kingdom 2014	1	PDC610	
33	Chính sách xuất khẩu nông sản ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn / Trịnh Thị Ái Hoa.- 382.63/ H401	Việt Nam 2007	5	PDC611	
34	International Business / Ricky W. Griffin, Michael W. Pustay, 9780137153732.- 658.049/ G851	Hoa Kỳ 2010	1	PDC611	
35	Global development finance: Charting a global recovery / The World Bank, 9780821378403.- 336.3435/ W927	Hoa Kỳ 2009	1	KT615	
36	The Economics of Desertification, Land Degradation, and Drought. IFPRI. <a href="http://ebrary.ifpri.org/utills/getfile/collection/p15738coll2">http://ebrary.ifpri.org/utills/getfile/collection/p15738coll2</a>	Hoa Kỳ 2011		PDC613	PDF Miễn phí
37	Natural resource economics / Prepared by M. N. Kusairi , Y. S. Tai - Tài liệu photocopy.- 333.7/ N285	Hoa Kỳ 1995	1	PDC610	
38	The process of economic development / James M. Cypher and James L. Dietz, 0 415 25416 7.- 338.9/ C997	Anh 2004	5	PDC614	
39	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam / Lê Thông.- 330.9597/ Th455	Việt Nam 2006	5	PDC615	
40	Địa lý kinh tế Việt Nam / Văn Thái.- 330.9597/ Th103	Việt Nam 2003	5	PDC615	
41	Giáo trình nguyên lý phát triển nông thôn / Lê Cảnh Dũng, Võ Văn Tuấn, Nguyễn Văn Sánh, 9786049193644.- 338.1/ D513	Việt Nam 2015	5	PDP621	
42	Quản trị nguồn nhân lực / Trần Kim Dung.- Hà Nội: Tài chính, 2018.- 587 tr.; 24 cm, 9786047918638.- 658.3/ D513	Việt Nam 2018	3	PDP626	
43	Giáo trình quản trị nhân lực / Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân (chủ biên).- 658.3/ Đ304	Việt Nam 2010	3	PDP626	

44	Lawler, Edward E., and John W. Boudreau. Global Trends in Human Resource Management: A Twenty-Year Analysis, Stanford University Press, 2015. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=2037817">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=2037817</a> .	Hoa Kỳ 2015	1	PDP626	Nguồn: Ebrary Ebook
45	Chalofsky, Neal F. Handbook of Human Resource Development, Center for Creative Leadership, 2014. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=1813090">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=1813090</a> .	Hoa Kỳ 2014		PDP626	Nguồn: Ebrary Ebook
46	Giáo trình phát triển cộng đồng: Ứng dụng xây dựng nông thôn Việt Nam mới / Nguyễn Văn Sánh.- 307.72597/ S107	Việt Nam 2009	2	PDC616	
47	Giáo trình phát triển cộng đồng: Lý luận và ứng dụng trong phát triển nông thôn / Trương Văn Tuyển - Đầu trang tên sách ghi: Đại học Huế. Trường đại Học Nông Lâm.- 307.14/ T527	Việt Nam 2007	17	PDC616	
48	Integrated Community based Adaptation in the Mekong Delta (ICAM). Care and AusAID. <a href="https://careclimatechange.org/wp-">https://careclimatechange.org/wp-</a>	Úc 2013		PDC616	PDF Miễn phí
49	Measuring Vulnerability to Natural Hazards: Towards Disaster Resilient Societies, edited by Joern Birkmann, United Nations University Press, 2006. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=282195">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=282195</a> .	Hoa Kỳ 2006		PDP605	Nguồn: Ebrary Ebook
50	Phân tích sinh kế: Lý thuyết và thực tiễn (sách chuyên khảo) / Võ Văn Tuấn, Lê Cảnh Dũng, 9786049194573.- 338.1/ T502	Việt Nam 2015	5	PDP605	
51	Những hạn chế về lao động và việc làm trên thị trường lao động ở Việt Nam Hiện Nay. Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh	Việt Nam 2014		PDP629	PDF Miễn phí
52	Population : An introduction to concepts and issues / John R. Weeks, 9780495096375.- 304.6/ W395	Hoa Kỳ 2008	1	PDP629	
53	ILO. Key Indicators of the Labour Market, International Labour Office, 2013. ProQuest Ebook Central, <a href="https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=1936502">https://ezproxy.ctu.edu.vn:2129/lib/ctuvn/detail.action?docID=1936502</a> .	Thụy Sĩ 2013	1	PDP629	Nguồn: Ebrary Ebook
54	Lao động việc làm và đào tạo nghề nông thôn vùng ĐBSCL: Thực trạng và định hướng / Dương Ngọc Thành (Chủ biên), 9786049196805.- 331.11/ Th107	Việt Nam 2016	9	PDP629	

TL. HIỆU TRƯỞNG  
Giám đốc

GIÁM ĐỐC THƯ VIỆN

(Ký tên xác nhận)

TRƯỞNG KHOA/VIỆN



Nguyễn Hoàng Vĩnh Vương

*Nguyễn Kiều Nhân*

Đặng Kiều Nhân

### 3. Nghiên cứu khoa học, đề tài luận văn, luận án

**Mẫu 8: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Chính sách Công**

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày	Kết quả nghiệm thu
1	Bảo tồn và phát triển một số cây lương thực địa phương của tỉnh Cà Mau (Vũ Anh Pháp)	Đề tài cấp tỉnh, 03/2015/HĐ-	04/QĐ-SKH-CN 05/01/2019	Trung bình
2	Nghiên cứu năng lực, hiệu quả sản xuất và xu hướng phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong bối cảnh thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp ĐBSCL (Dương Ngọc Thành)	Đề tài Bộ, B2016-TCT-19ĐT	1322/QĐ-BGDĐT, 5/5/2018	Đạt
3	Đánh giá hậu kỳ Dự án “Tăng cường hệ thống khuyến nông để áp dụng tiến bộ kỹ thuật canh tác cam sành cho nông dân nghèo ở năm tỉnh của ĐBSCL” (Vũ Anh Pháp, Võ Văn Tuấn)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (JICA), VT-18-0018	JICA 15/11/2018	Đạt
4	Giải pháp bình ổn giá bán lúa cho nông hộ ở ĐBSCL (Lê Khương Ninh)	Đề tài Bộ B2015-16-47	1491/QĐ-BGDĐT, 17/4/2018,	Xuất sắc
5	Liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Đồng Tháp Mười, vùng ĐBSCL (Nguyễn Văn Sánh)	Đề án cấp tỉnh - DP2017-38	1532/QĐ-UBND-HC, 15/12/2018; 21/12/2018	Khá
6	Tuyển chọn bộ giống lúa chịu mặn và xây dựng mô hình sản xuất lúa thích ứng biến đổi khí hậu tại các huyện ven biển tỉnh Trà Vinh (Vũ Anh Pháp, Nguyễn Hồng Tín)	Đề tài cấp tỉnh, 49/QĐ-PCU 13/9/2016 Ban điều phối dự án AMD Trà Vinh	08/BBNT-PCU, 15/5/2018 Ban điều phối dự án AMD Trà Vinh	Đạt
7	Hiệu quả của chính sách giao đất rừng và hệ thống nông lâm bền vững ở ĐBSCL (Nguyễn Hồng Tín)	Đề tài Bộ, B2015-16-46	1242/QĐ-BGDĐT, 2/4/2018,	Xuất sắc
8	Đánh giá hiệu quả chuyển dịch các mô hình sản xuất nông nghiệp ở các xã nông thôn mới đến thu nhập nông hộ vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Đề tài Bộ, B2016-TCT-01ĐT	3390/QĐ-BGDĐT, 7/9/2018, 13/10/2018	Đạt

9	Nâng cao năng lực phụ nữ Khmer thích ứng BĐKH ở Trà Vinh (Nguyễn Hồng Tín)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (Đại sứ quán Canada), CFLI-2016-	2017	Xuất sắc
10	Đề xuất sáng kiến chính sách công cho quản trị tài nguyên để phát triển sinh kế bền vững của cư dân vùng lũ vùng ĐBSCL (Đặng Kiều Nhân)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (USAID), 106395-	12/2017	Đạt
11	Đề xuất chính sách và định chế cho phát triển tôm và lúa vùng ven biển ĐBSCL (Lê Cảnh Dũng)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (USAID)	12/2017	Đạt
12	Nghiên cứu các giải pháp phát triển bền vững chuỗi liên kết giá trị ngành hàng tôm sinh thái tỉnh Cà Mau (Lê Nguyễn Đoàn Khôi)	Đề tài cấp tỉnh, DP2016-12	1412-QĐ/SNN 22/6/2017	Đạt
13	Giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ muối của diêm dân ở vùng ĐBSCL (Mai Văn Nam)	Đề tài Bộ, B2013-16-22	1123/QĐ-BGDĐT, 7/4/2016,	Tốt
14	Dự án quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015-2025, tầm nhìn đến năm 2035 (Lê Nguyễn Đoàn Khôi)	Đề tài cấp tỉnh, DP2015-56-24	2537 - QĐ/UBND 20/10/2016	Đạt
15	Đánh giá tác động của dự án trách nhiệm xã hội và chính sách của Tập đoàn Holcim giai đoạn 2012-2015 (Vũ Anh Pháp, Võ Văn Tuấn, Nguyễn Thanh Bình)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài Tập đoàn Holcim Việt Nam	12/2016	Đạt
16	Agro-pullution in Vietnam (Nguyễn Hồng Tín)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (WB),	2016	Đạt
17	Protect the environment and mangroves, access and livelihood opportunities for disadvantaged, minority ethnic and women groups in Tra Vinh province, Mekong Delta, Vietnam (Nguyễn Hồng Tín)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (Lãnh sự quán Mỹ tại TP. HCM)	2015	Đạt
18	Nghiên cứu định chế để cải tiến khả năng thích nghi của hệ thống canh tác trên nền đất lúa ở vùng ĐBSCL (Đặng Kiều Nhân)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (SCIRO – Úc và IRR), SMCN/2009/02	5/2015	Đạt

19	Xây dựng mô hình sản xuất lúa giống, lúa hàng hoá chất lượng cao đạt tiêu chuẩn ViệtGAP tại Vĩnh Long (Vũ Anh Pháp)	Đề tài cấp tỉnh QĐ766-UBND 9/4/2011	1655/QĐ-UBND 7/9/2015	Khá
20	Thực trạng lao động nông thôn và ảnh hưởng của đào tạo nghề nông thôn đến việc làm và thu nhập của người dân vùng ĐBSCL (Dương Ngọc Thành)	Đề tài Bộ, B2012-16-11	6301/QĐ-BGDĐT, 31/12/2014, 28/1/2015	Khá
21	Phát triển nông nghiệp và môi trường thích nghi với biến đổi khí hậu ở vùng ĐBSCL (Đặng Kiều Nhân)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (Đại sứ Quán Hà Lan và Trường Đại học Wageningen),	6/2014	Đạt
22	Giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho sản xuất của nông hộ ở ĐBSCL (Lê Khương Ninh)	Đề tài Bộ, B2012-16-20	1541/QĐ-BGDĐT, 5/5/2014, 27/5/2014	Đạt
23	Phân tích và giải pháp nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị ngành hàng Xoài cát tỉnh Đồng Tháp (Dương Ngọc Thành)	Đề tài cấp tỉnh, 05/HĐ-ĐT	104/QĐ-SKHCCN, 21/7/2014, 28/7/2014	Khá
24	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề nông thôn tỉnh Vĩnh Long (Dương Ngọc Thành)	Đề tài cấp tỉnh, 16/HĐ/2012	109/QĐ-HĐNT, 1/7/2014, 21/8/2014	Khá
25	Đánh giá tổn thương và giải pháp thích nghi với biến đổi khí hậu ở vùng hạ lưu sông Mekong (Đặng Kiều Nhân)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (DAI/ICEM), AAS1109	04/2013	Đạt
26	Giải pháp sử dụng đất thích nghi cho mục tiêu sản xuất lương thực và thích ứng thay đổi tài nguyên nước ở ĐBSCL (Đặng Kiều Nhân)	Hợp tác có yếu tố nước ngoài (AusAid và SCIRO – Úc), AC75102-	3/2013	Đạt
27	Đánh giá lực lượng lao động nông thôn và đề xuất giải pháp đào tạo nghề nông thôn thành phố Cần Thơ (Dương Ngọc Thành)	Đề tài cấp tỉnh,	607/QĐ-SKHCCN, 7/6/2012, 19/6/2012	Khá

TRƯỜNG PHÒNG QLKH  
 HỮU TRƯỞNG (Ký tên xác nhận)  
 TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC  
 TRƯỜNG  
 ĐẠI HỌC  
 CẦN THƠ  
 Khoa Văn Khoa

TRƯỜNG KHOA/VIỆN

*Đặng Kiều Nhân*

Đặng Kiều Nhân



**Mẫu 9: Các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan ngành Chính sách Công của Trường Đại học Cần Thơ trong 05 năm trở lại đây**

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố
1	Policy transfer into flood management in the Vietnamese Mekong Delta: a North VamNao study.	Le Anh Tuan	International Journal of WaterResources Development, DOI:https://doi.org/10.1080/07900627.2019.1568862
2	Phát triển bền vững tiểu vùng Đồng Tháp Mười	Nguyễn Văn Sánh, (đồng tác giả)	Đại học Cần Thơ (2018)
3	Economic Feasibility of Diversified Farming System in the Flood-Prone Mekong Delta: Simulation for Dike Area in An Giang Province, Vietnam.	Le Canh Dung (co-author)	Asian Journal of Agriculture and Development (Vol. 15 No. 2. 2018)
4	Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận nuôi tôm sú quảng canh cải tiến ở ĐBSCL	Lê Cảnh Dũng Võ Văn Tuấn	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp (Tập 2, 2018)
5	Influence of livelihoods on climate change adaptation for smallholder farmers in the Mekong Delta Vietnam	Dang Kieu Nhan, Vo Van Tuan, Le Canh Dung	International Journal of Agricultural Sustainability (2018)
6	Impact of managerial human resource quality on growth of firms in the Mekong Delta,	Le Khuong Ninh	Can Tho University Journal of Science (Vol. 54, No. 2., 2018)
7	Profit, output market uncertainty and corporate investment: Evidence from Vietnam	Le Khuong Ninh, Phan Anh Tu	Asian Academy of Management Journal (2018)
8	The living standard inequality in Vietnam: Statistical analysis	Phan Van Phuc	Can Tho University Journal of Science (Vol.
9	KH&CN thúc đẩy phát triển bền vững Nông nghiệp-Thủy sản vùng ĐBSCL trong bối cảnh BĐKH	Nguyễn Văn Sánh	Báo cáo đề dẫn: Hội nghị KH&CN vùng. Bộ KH&CN, tháng 7/2018
10	Vietnam's hydropower policy reform: Reflections on reality-based impacts. In: Hydropower impacts from environmental, social and gender perspectives – evidence from the Central and Central Highlands, Vietnam. Pham Thi Dieu My and Nguyen Quy Hanh (Eds).	Le Anh Tuan	Thuan Hoa Publication (2018)

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố
11	Tác động của phong cách lãnh đạo và văn hóa tổ chức đến hiệu quả tài chính của các DNNVV tỉnh Sóc Trăng	Phan Anh Tú	Kinh tế và Dự báo (30, 2018)
12	Vì sao cải tiến thể chế cấp tỉnh có tác động đến thu hút FDI tại Việt Nam.	Phan Anh Tú	Kinh tế và dự báo (2017)
13	Các nhân tố ảnh hưởng đến thương mại song phương giữa Việt Nam và các đối tác thương mại.	Phan Anh Tú	Kinh tế và Phát triển (236, 2017)
14	Nghiên cứu chỉ số thương mại nội ngành trường hợp ngành da giày Việt Nam giai đoạn 2002-2012	Phan Anh Tú	Thông tin và dự báo KT-XH (136, 2017)
15	Vietnam: Governmental and societal response to emergent environmental issues in the Mekong Delta. In Routledge Handbook of Environment in Southeast Asia (522p), Philip Hirsch (Eds).	Le Anh Tuan	Routledge (2017)
16	Agricultural competitiveness of Vietnam by RCA and the NRCA indices and consistency of competitiveness indices	Tran Tien Khai (co-author)	Agris online papers on Economics and Informatics (Vol. IX, No.4, 2017)
17	Ứng dụng nông nghiệp thông minh phát triển ngành hàng lúa – gạo Việt Nam dựa vào kinh nghiệm quốc tế và trong nước	Nguyễn Văn Sánh	Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2017. Ban Kinh tế TW và Đại sứ quán Úc 27/06/2017
18	Financial capacity of rice-based farming households in the Mekong Delta	Lê Cảnh Dũng, Đặng Kiều Nhân, Võ Văn Tuấn	Asian Journal of Agriculture and Development (Vol. 14 No. 1, 2017)
19	Environmental and human resources development issues in Vietnam: The case study in the	Nguyễn Hồng Tín (đồng tác giả)	Can Tho University of Journal of Science (Vol. 7, 2017)
20	National pro-poor spending programs and their effect on income inequality and poverty: Evidence from Vietnam	Phan Văn Phúc	Applied economics (2017)

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố
21	Situation on livelihood capital of hired Khmer households for rice production under agricultural mechanization in Thoi Thoi Lai district, Can Tho City	Nguyen Quang Tuyen	Global Journal of of Science Frontier Research (Vol. 17, issue 3, 2017)
22	Managerial human resource quality of firms in the Mekong Delta, Vietnam	Le Khuong Ninh	Can Tho University Journal of Science (7, 2017)
23	Participatory water management for reducing risk of shrimp diseases in coastal areas of the Vietnamese Mekong Delta.	Le Canh Dung, Vo Van Tuan, Le Anh Tuan	Fulbright Policy Brief (No.7: 55-60, 2017)
24	Reducing risk in shrimp cultivation through improved seed quality in the Mekong Delta of Vietnam.	Le Canh Dung, Vo Van Tuan, Le Anh Tuan	Fulbright Policy Brief (No.9: 55-60, 2017)
25	Nghiên cứu các nhân tố tác động đến kim ngạch xuất khẩu nông sản Việt Nam giai đoạn 2011-2013.	Phan Anh Tú	Tạp Chí Công thương (10, 2016)
26	Entrepreneurial characteristics and private firm performance in the Mekong River Delta	Phan Anh Tu	Can Tho University Journal of Science (3, 2016)
27	Determinants repayment performance of borrowers in the rural Mekong Delta of Vietnam	Mai Van Nam	International Journal of Innovatioive Science, Engineiering & Technology (Vol. 3, issue
28	Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững ĐBSCL (sách, 376 trang)	Nguyễn Văn Sánh, Đặng Kiều Nhân (chủ biên)	NXB Đại học Cần Thơ (2016)
29	Lao động việc làm và đào tạo nghề vùng nông thôn ĐBSCL	Dương Ngọc Thành (chủ biên)	NXB Đại học Cần Thơ (2016)
30	Giải pháp hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm muối ở vùng ĐBSCL	Mai Văn Nam	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ (42d, 2016)
31	Evolutionary social and bio-geophysical changes in the Amazon, Ganges–Brahmaputra–Meghna and Mekong deltas	Dang Kieu Nhan (đồng tác giả)	Sustainability Science (2016)
32	Tăng lợi nhuận thông qua giảm đầu tư trong sản xuất lúa ở ĐBSCL	Lê Cảnh Dũng, Võ Văn Tuấn	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (43c, 2016)

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố
33	Hạn chế và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong sản xuất lúa ở ĐBSCL	Lê Cảnh Dũng, Võ Văn Tuấn	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT (2015)
34	Ảnh hưởng của nguồn lực đến đa dạng sinh kế nông hộ ở ĐBSCL	Lê Cảnh Dũng, Võ Văn Tuấn	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT (2015)
35	Mô hình sản xuất theo hợp đồng giữa nông hộ và doanh nghiệp: nhược điểm và giải pháp chính sách	Lê Khương Ninh	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (449, 2015)
36	Khả năng tiếp cận thị trường của hộ sản xuất lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở tỉnh An Giang	Mai Văn Nam	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (2015)
37	Tác động của nguồn lực sản xuất đến hiệu quả kỹ thuật của nông hộ nghèo trồng khóm ở tỉnh Tiền Giang	Mai Văn Nam	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT (2015)
38	Phân tích hiệu quả tài chính của hộ sản xuất lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở tỉnh An Giang	Mai Văn Nam	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (2015)
39	Responding to rising sea-levels in Vietnam's Mekong Delta	Dang Kieu Nhan (đồng tác giả)	Nature Climate Change (2015)
40	Khả năng tiếp cận thị trường của hộ sản xuất lúa theo mô hình liên kết với doanh nghiệp ở tỉnh An Giang	Mai Văn Nam	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (38d, 2015)
41	Tái cơ cấu nông nghiệp qua giải pháp liên kết vùng	Nguyễn Văn Sánh	Ban Kinh tế TW, 2014 và Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2015.
42	Laborers status and effects of vocational training on employment and income of rural laborers in Kien Giang Province, Vietnam	Nguyen Quang Tuyen	Global Journal of Human Science (Vol. 15, issue 4, 2015)
43	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm việc làm của người lao động nông thôn trên địa bàn TP. Cần Thơ	Dương Ngọc Thành	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (36c, 2015)
44	Livelihood Diversification Strategies of Khmer and Kinh Farmers in the Mekong Delta since the 1993 Land Law	Nguyen Quang Tuyen	Global Journal of Human - Social Sciences (2014)

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố
45	Irrigation development in the Vietnamese Mekong Delta: Towards polycentric water governance?	Le Anh Tuan (co-author)	International Journal of Water Governance. Volume 2, No. 2/3, Aug. 2014, DOI: 10.7564/14-
46	Determinants of income diversification and its effects on household income in rural Vietnam	Tran Tien Khai	Journal of Economics and Development (No. 221, 2014)
47	The impact of personal relationship on bribery incidence in transition economies	Phan Anh Tu (co-author)	European Management Review DOI: 10.1111/emre. 12032. 1-15. (2014)
48	Mối quan hệ giữa nhận thức của nhà đàm phán xuất khẩu về văn hóa quốc gia đối tác và kết quả đàm phán.	Phan Anh Tú	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ (31, 2014)
49	Đánh giá hiệu quả tài chính hai mô hình sản xuất xoài cát tỉnh Đồng Tháp	Dương Ngọc Thành	Tạp chí Phát triển Kinh tế (4, 2014)
50	Phân tích chuỗi giá trị xoài cát chu ( <i>mangifera indica</i> L.) tỉnh Đồng Tháp	Dương Ngọc Thành	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (38d, 2014)
51	Phân tích chuỗi giá trị xoài cát Hòa Lộc ( <i>Magifera indica</i> L.) tỉnh Đồng Tháp	Dương Ngọc Thành	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (35d, 2014)
52	So sánh hiệu quả tài chính mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và mô hình không ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa ở ĐBSCL	Dương Ngọc Thành	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (33d, 2014)
53	Thực trạng lao động và việc làm nông thôn Việt Nam	Dương Ngọc Thành	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (30d, 2014)
54	Using a risk cost-benefit analysis for a sea dike to adapt to the sea level in the Vietnamese Mekong River Delta.	Vo Thanh Danh	Climate (2, 2014)
55	Estimating residents' willingness to pay for ground water protection in the Vietnamese Mekong Delta	Vo Thanh Danh	Applied Water Science (2014)
56	Thực trạng nông hộ ở ĐBSCL sau 7 năm thực hiện chính sách Tam Nông (2006-2013)	Lê Khương Ninh	Nghiên cứu Kinh tế (2014)
	Tín dụng nông thôn ĐBSCL thành tựu và hạn chế	Lê Khương Ninh	Tạp chí Ngân hàng (4, 2014)

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố
57	Nhân tố ảnh hưởng 1P5G trong canh tác lúa ở ĐBSCL	Lê Cảnh Dũng Võ Văn Tuấn	Nông nghiệp và PTNT (Kỳ 1, 2014)
58	Các yếu tố ảnh hưởng đến ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa của hộ nông dân tại tỉnh Hậu Giang	Dương Ngọc Thành	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (2014)
59	Application of livelihood vulnerability index to assess risks from flood vulnerability and climate variability - a case study in the Mekong Delta of Vietnam.	Nguyen Duy Can	Journal of environmental science and engineering (Vol. 2, No.8, 2013)
60	Outcomes of Vietnam's Agrarian Policies after "Doi Moi": A Case Study of Attempted Agricultural Intensification and Diversification In a Village in Vietnam's Mekong Delta.	Nguyen Quang Tuyen	Global Journal of Human Social Science, Arts, and Humanities (2013)
61	Mô hình đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp hiện nay	Dương Ngọc Thành	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT (2013)
62	Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đồng Tháp	Mai Văn Nam	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ (2013)
63	Các yếu tố ảnh hưởng đến làng nghề kết hợp du lịch ở ĐBSCL	Mai Văn Nam	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (2013)
64	Assessment of a farmer based network in promoting an integrated farming systems at the Mekong Delta in Vietnam	Dang Kieu Nhan (đồng tác giả)	Asian Journal of Agriculture and Development (2013)

TRƯỞNG PHÒNG QLKH

TL. HIỆU TRƯỞNG (Ký tên xác nhận)

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC



TRƯỞNG KHOA/VIỆN

*Dang Kieu Nhan*

Đặng Kiều Nhân

**Mẫu 10: Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án và số lượng học viên cao học có thể tiếp nhận**

<b>TT</b>	<b>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu có thể nhận học viên cao học</b>	<b>Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên cao học</b>	<b>Số lượng học viên cao học có thể tiếp nhận</b>
1	Đánh giá các chính sách kinh tế hợp tác nông nghiệp	PGs. Ts. Nguyễn Văn Sánh; PGs.Ts. Lê Cảnh Dũng;	3-5
2	Đánh giá chính sách, chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng hạ tầng nông thôn	PGs.Ts. Lê Cảnh Dũng; PGs.Ts. Dương Ngọc Thành	3
3	Đánh giá chính sách nâng cao chất lượng nông sản, liên kết chuỗi giá trị và nông nghiệp công nghệ cao	PGs. Ts. Nguyễn Văn Sánh; PGs.Ts. Lê Nguyễn Đoàn Khôi,	3
4	Đánh giá chính sách thương mại quốc tế	Ts. Phan Văn Phúc Ts. Phan Anh Tú; Ts. Lưu Tiến Thuận; Ts. Trần Văn Hiếu	3-5
5	Đánh giá chính sách sử dụng tài nguyên đất đai, rừng, nước ở DBSCL	PGs. Ts. Lê Cảnh Dũng; PGs.Ts. Mai Văn Nam; PGs.Ts. Võ Thành Danh; Ts. Nguyễn Hồng Tín	3
6	Đánh giá chính sách quản lý môi trường và ô nhiễm	PGs. Ts. Lê Cảnh Dũng; PGs.Ts. Mai Văn Nam; PGs.Ts. Võ Thành Danh; PGs.Ts. Lê Anh Tuấn	3
7	Đánh giá chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu và môi trường	Ts. Đặng Kiều Nhân; Ts. Nguyễn Hồng Tín; PGs.Ts. Nguyễn Duy Cần; PGs.Ts. Huỳnh Quang Tín; Ts. Nguyễn Thanh Bình; PGs.Ts. Lê Anh Tuấn	3-5
8	Đánh giá các chính sách ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp	PGs. Ts. Lê Cảnh Dũng; Ts. Vũ Anh Pháp; Ts. Đặng Kiều Nhân; Ts. Huỳnh Quang Tín	3
9	Đánh giá chính sách sử dụng lao động	PGs.Ts. Dương Ngọc Thành; Ts. Nguyễn Quang Tuyền; Ts. Phạm Công Hữu	3
10	Đánh giá chính sách an sinh xã hội	Ts. Võ Văn Tuấn; Ts. Nguyễn Thanh Bình; Ts. Nguyễn Quang Tuyền	3
11	Đánh giá chính sách định cư, tái định cư	Ts. Phạm Công Hữu; Ts. Võ Văn Tuấn	3

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu có thể nhận học viên cao học	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học có thể tiếp nhận
12	Đánh giá chính sách đào tạo nghề nông thôn	PGs. Ts. Dương Ngọc Thành; Ts. Nguyễn Quang Tuyền;	3
13	Đánh giá chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khu vực nông thôn	PGs. Ts. Dương Ngọc Thành; PGs.Ts. Lê Nguyễn Đoàn	3
14	Đánh giá tác động chính sách phát triển sinh kế và giảm nghèo đối với các nhóm dân cư	Ts. Võ Văn Tuấn; Ts. Nguyễn Thanh Bình; PGsTs. Nguyễn Văn Sánh; Ts. Nguyễn Quang Tuyền	3
15	Đánh giá tổn thương và giải pháp thích ứng của vùng và các nhóm kinh tế xã hội đối với tác động của tự nhiên hay kinh tế xã hội	Ts. Võ Văn Tuấn; Ts. Nguyễn Thanh Bình; Ts. Nguyễn Hồng Tín	3
16	Đánh giá chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực nông nghiệp, nông thôn	Ts. Nguyễn Hồng Tín; Ts. Phạm Công Hữu; Ts. Nguyễn Quang Tuyền	3
17	Đánh giá chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn	PGs.TS. Lê Khương Ninh; PGs.TS. Võ Thành Danh;	3
18	Cải cách hành chính và thể chế trong quản lý kinh tế, xã hội và môi trường	Ts. Cao Nhất Linh; Ts. Phan Huy Hùng; PGs.Ts. Nguyễn Văn Sánh	3-5
19	Nghiên cứu hoạch định chính sách, các phương án lựa chọn chính sách	Ts. Phan Huy Hùng; PGs.Ts. Nguyễn Văn Sánh; PGs.TS. Lê Cảnh Dũng	3-5

**TRƯỞNG KHOA/VIỆN**

(Ký tên xác nhận)

*Đặng Kiều Nhân*

Đặng Kiều Nhân

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)



Hà Thanh Toàn